

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	12 - 36

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét của Tập đoàn.

### 1. Khái quát chung về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 637/NĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15 tháng 04 năm 2015 với mã số doanh nghiệp 2000110221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

Mã chứng khoán CMV.

Vốn điều lệ : 121.039.120.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 70 – 72 Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : + 84-(780) 383 92 2

Fax : + 84-(780) 383 43 58

### 3. Cấu trúc Tập đoàn

#### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 26 – 28 đường Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điếu; hàng mỹ phẩm, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân.	55%	55%	55%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh công ty Cổ phần Thương nghiệp tại Bạc Liêu	Số 82/4 đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh công ty Cổ phần Thương nghiệp tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Vĩnh Châu
Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình	Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cổ phần Thương nghiệp tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Cổ phần Thương nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh: Cửa hàng xăng dầu Hưng Mỹ	ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu	Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh: Cửa Hàng Xăng dầu Ngô Quyền	Lô 290 đường Ngô Quyền, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**4. Ngành nghề kinh doanh**

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

**5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**

**5.1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Trình	Thành viên
Ông Thái Trường An	Thành viên
Ông Dương Du Minh	Thành viên
Bà Trần Ngọc Diệp	Thành viên

## 5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban
Ông Ngô Thế Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tấn Tài	Ủy viên

## 5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Vạn	Kế toán trưởng

## 6. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc Công ty.

## 7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 36.

## 8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

## 10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2016.

TM. Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH  
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Số: 2472/16/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số VIII.5, Tập đoàn đang tiếp tục làm việc với SCIC và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về khoản lãi chậm nộp theo Công văn số 109/ĐTKDV-TCKT ngày 20 tháng 01 năm 2015 xác định lại số tiền chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền 4.175.239.987 đồng. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện này.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2016.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



**Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN số: 1523-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>506.150.259.415</b>	<b>520.557.817.788</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>46.275.298.992</b>	<b>54.956.843.826</b>
111	1. Tiền		38.935.298.992	52.416.843.826
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.340.000.000	2.540.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>108.320.444.218</b>	<b>114.623.116.536</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	83.678.139.954	92.686.921.241
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	13.293.847.517	7.784.157.782
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	650.000.000	150.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	22.980.616.859	25.975.225.951
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(13.237.095.565)	(13.013.632.281)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	954.935.452	1.040.443.843
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>348.340.265.180</b>	<b>345.008.251.857</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	348.340.265.180	345.008.251.857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.214.251.025</b>	<b>5.969.605.569</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	480.071.754	323.058.513
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.103.032.623	5.464.472.747
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	631.146.648	182.074.309
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>105.890.882.421</b>	<b>100.243.954.262</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.068.160.000</b>	<b>1.603.040.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.068.160.000	1.603.040.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>94.839.995.669</b>	<b>90.295.991.712</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	58.928.044.724	56.819.943.333
222	- Nguyên giá		134.137.776.136	128.865.846.231
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.209.731.412)	(72.045.902.898)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.12	35.911.950.945	33.476.048.379
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	34.688.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.237.015.718)	(1.212.918.284)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.530.200.213</b>	<b>736.000.000</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	1.530.200.213	736.000.000
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.14	<b>6.306.716.200</b>	<b>6.306.716.200</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.192.861.000)	(2.192.861.000)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.145.810.339</b>	<b>1.302.206.350</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	1.081.365.474	1.237.761.485
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		64.444.865	64.444.865
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>612.041.141.836</b>	<b>620.801.772.050</b>

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Địa chỉ: Số 70-72 Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>433.337.276.691</b>	<b>451.860.893.491</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>431.273.512.642</b>	<b>450.279.430.991</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	133.286.554.487	127.425.901.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	2.566.637.135	1.281.117.263
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	2.092.626.955	3.235.135.831
314	4. Phải trả người lao động		16.171.870.889	11.096.380.055
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		50.990.986	1.309.565.742
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	7.455.684.087	6.691.528.911
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	266.615.401.645	296.563.550.128
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	3.033.746.458	2.676.251.243
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.063.764.049</b>	<b>1.581.462.500</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.21	2.063.764.049	1.581.462.500
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>178.703.865.145</b>	<b>168.940.878.559</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>178.703.865.145</b>	<b>168.940.878.559</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		121.039.120.000	121.039.120.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.039.120.000	121.039.120.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.750.000.000	1.750.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		21.109.677.571	18.716.363.499
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.945.312.535	20.749.071.821
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.862.064.964	3.579.408.244
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		18.083.247.571	17.169.663.577
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.859.755.039	6.686.323.239
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>612.041.141.836</b>	<b>620.801.772.050</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2016.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TẤN VẠN

NGUYỄN TẤN VẠN

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND

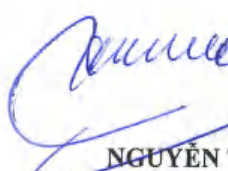
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.982.926.144.718	1.995.050.111.476
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	413.003.696	245.991.742
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.982.513.141.022	1.994.804.119.734
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.925.726.150.598	1.920.086.958.996
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.786.990.424	74.717.160.738
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	703.016.892	763.708.202
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	7.213.088.297	5.869.368.714
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.348.455.429	5.243.601.421
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	53.874.515.347	50.055.513.135
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13.213.514.181	13.330.675.446
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.811.110.509)	6.225.311.645
31	12. Thu nhập khác	VI.8	34.030.825.615	17.546.431.010
32	13. Chi phí khác		66.783.881	717.710.060
40	14. Lợi nhuận khác		33.964.041.734	16.828.720.950
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.152.931.225	23.054.032.595
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	3.445.940.606	5.243.090.922
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.706.990.619	17.810.941.673
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		12.851.853.819	17.137.086.238
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		855.136.800	673.855.435
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11a	990	1.248
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11b	-	-

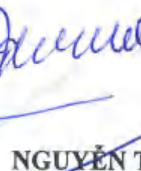
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2016.

Tổng Giám đốc

  
NGUYỄN TẤN VẠN

  
NGUYỄN TẤN VẠN



  
NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		17.152.931.225	23.054.032.595
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		9.520.471.428	7.860.887.382
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		3.497.276.207	3.236.161.516
03	- Các khoản dự phòng		223.463.284	(500.153.825)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(548.723.492)	(118.721.730)
06	- Chi phí lãi vay		6.348.455.429	5.243.601.421
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		26.673.402.653	30.914.919.977
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.103.384.915	9.631.268.340
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.332.013.323)	7.250.371.089
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		12.786.170.810	(66.943.613.462)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(465.737.230)	44.803.292
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.458.407.638)	(5.387.332.131)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.048.493.921)	(4.469.997.212)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.953.910.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.546.148.005)	(910.390.679)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		30.666.068.261	(29.869.970.786)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.887.281.027)	(1.807.578.331)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		120.926.623	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(500.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		548.723.492	118.721.730
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		(3.717.630.912)	(1.688.856.601)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		993.547.286.097	878.584.970.834
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.028.495.434.580)	(838.304.389.753)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(681.833.700)	(537.199.960)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		(35.629.982.183)	39.743.381.121
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		(8.681.544.834)	8.184.553.734
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		54.956.843.826	45.282.604.610
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	46.275.298.992	53.467.158.344

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 29 tháng 08 năm 2016.  
Giám đốc

NGUYỄN TẤN VẠN

NGUYỄN TẤN VẠN

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại – dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Khoản mục thu nhập khác kỳ này tăng cao so với kỳ trước là do việc thay đổi chính sách các khoản hàng khuyến mãi, chiết khấu từ nhà cung cấp nên ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong kỳ.

##### **6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

##### **Các Công ty con**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 26 – 28 đường Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điếu; hàng mỹ phẩm, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân.	55%	55%	55%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh công ty Cổ phần Thương nghiệp tại Bạc Liêu	Số 82/4 đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh công ty Cổ phần Thương nghiệp tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Vĩnh Châu
Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình	Quốc lộ 1A, ấp Cây Trám, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cổ phần Thương nghiệp tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Cổ phần Thương nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh: Cửa hàng xăng dầu Hưng Mỹ	ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu	Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh: Cửa Hàng Xăng dầu Ngô Quyền	Lô 290 đường Ngô Quyền, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 30 tháng 06 năm 2016 có 616 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 601 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư nêu trên và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## 3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

# IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## 2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định -cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## 3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

## 4. Các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

#### **Công ty con**

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính:

### ▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

## 8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán

- Chi phí trả trước: Là chi phí phân bổ các công cụ, dụng cụ trong ngành thực phẩm và xăng, dầu.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **11. Quỹ lương**

Cơ sở trích lập quỹ lương là theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐ-2016 ngày 21 tháng 05 năm 2016. Theo đó, đơn giá tiền lương là 7.000.000 đồng X tổng số lao động là 620 người

### **12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí**

#### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 21. Số liệu so sánh

Trình bày lại số đầu năm và số năm trước cho phù hợp với quy định hiện hành.

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh		Số liệu sau điều chỉnh
		Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	1.024.162.799	16.281.044	1.040.443.843
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.024.162.799</b>	<b>16.281.044</b>	<b>1.040.443.843</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.675.247.867	16.281.044	6.691.528.911
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.675.247.867</b>	<b>16.281.044</b>	<b>6.691.528.911</b>
<i>Kết quả kinh doanh</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.416	(168)	1.248

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1.1	Tiền mặt	28.181.425.703	32.904.207.427
1.2	Tiền gửi ngân hàng (*)	10.753.873.289	19.512.636.399
1.3	Các khoản tương đương tiền (là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng)	7.340.000.000	2.540.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.275.298.992</b>	<b>54.956.843.826</b>

(\*) Tài sản đảm bảo: Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của Tập đoàn mở tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (tương đương 2.000.000.000 đồng).

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>83.678.139.954</b>	<b>92.686.921.241</b>
- Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm TP.Cà Mau	9.185.694.966	7.004.402.940
- Cửa hàng công nghệ thực phẩm huyện Cái Nước	8.178.813.434	11.734.715.877
- Các khách hàng khác	66.313.631.554	73.947.802.424
<b>Cộng</b>	<b>83.678.139.954</b>	<b>92.686.921.241</b>

Tài sản đảm bảo: Thế chấp khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MR trị giá 60.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	13.293.847.517	7.784.157.782
- Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	2.365.494.918	225.321.925
- Công ty TNHH Bia và NGK Việt Nam	1.089.864.384	2.877.869.979
- Công ty TNHH DV và Du lịch Nam Việt	1.085.000.000	-
- Các khách hàng khác	8.753.488.215	4.680.965.878
<b>Cộng</b>	<b>13.293.847.517</b>	<b>7.784.157.782</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	650.000.000	150.000.000
Cho Công ty Cổ phần Tân Tiến vay với lãi suất 6%/năm	650.000.000	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>650.000.000</b>	<b>150.000.000</b>

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.980.616.859	(8.814.317.094)	25.975.225.951	(8.814.317.094)
Công ty Cổ phần Duyên Việt	3.304.310.000	(3.304.310.000)	3.304.310.000	(3.304.310.000)
CN Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	2.750.993.820	-	2.750.993.820	-
Ký cược, ký quỹ	8.199.846.325	-	7.939.771.107	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.725.466.714	(5.510.007.094)	11.980.151.024	(5.510.007.094)
<b>Cộng</b>	<b>22.980.616.859</b>	<b>(8.814.317.094)</b>	<b>25.975.225.951</b>	<b>(8.814.317.094)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược vỏ bia, nước giải khát.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.068.160.000	-	1.603.040.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.068.160.000	-	1.603.040.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.068.160.000</b>	<b>-</b>	<b>1.603.040.000</b>	<b>-</b>

## 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Khách hàng tại văn phòng Công ty	185.809.919	89.005.000	185.809.919	124.766.983
- Khách hàng tại cửa hàng điện máy Cà Mau	616.632.640	61.400.400	657.253.640	114.371.700
- Khách hàng tại chi nhánh Kiên Giang	525.669.544	11.324.033	526.591.324	18.094.042
- Khách hàng tại cửa hàng công nghệ thực phẩm Ngã Năm	416.189.959	236.471.123	430.981.767	305.434.976
- Khách hàng tại cửa hàng công nghệ thực phẩm huyện Cái Nước	338.578.210	17.606.615	346.834.490	23.518.427
- Khách hàng tại cửa hàng điện máy Bạc Liêu	204.033.120	29.294.436	195.064.120	36.491.736
- Khách hàng khác	3.862.396.126	1.281.429.439	4.112.712.869	1.633.255.077
- Phải thu khác	8.814.317.093	-	8.814.317.093	-
	<b>14.963.626.611</b>	<b>1.726.531.046</b>	<b>15.269.565.222</b>	<b>2.255.932.941</b>

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	13.013.632.281	11.234.475.065
Trích lập trong kỳ	267.473.703	244.885.521
Hoàn nhập dự phòng	(44.010.419)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.237.095.565</b>	<b>11.479.360.586</b>

## 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho	954.935.452	1.040.443.843
<b>Cộng</b>	<b>954.935.452</b>	<b>1.040.443.843</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	348.340.265.180	-	345.008.251.857	-
<b>Cộng</b>	<b>348.340.265.180</b>	<b>-</b>	<b>345.008.251.857</b>	<b>-</b>

**Tài sản đảm bảo:** Thẻ chấp hàng hóa trong kho theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.

**9. Chi phí trả trước**

**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí phân bổ các công cụ, dụng cụ và tiền thuê nhà.

Chi tiết gồm

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	279.971.777	294.491.501
Tăng trong kỳ	934.445.272	473.223.636
Phân bổ trong kỳ	(734.345.295)	(423.309.735)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>480.071.754</b>	<b>344.405.402</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.237.761.485	787.384.602
Tăng trong kỳ	134.441.931	98.146.471
Phân bổ trong kỳ	(290.837.942)	(233.426.334)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.081.365.474</b>	<b>652.104.739</b>

**10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Là khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau  
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

#### 11. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	70.878.110.066	30.346.843.257	26.470.968.514	630.283.660	539.640.734	128.865.846.231
2. Tăng trong kỳ	2.947.062.630	-	2.686.018.184	-	-	5.633.080.814
Tăng do XDCB hoàn thành	2.947.062.630	-	2.686.018.184	-	-	5.633.080.814
3. Giảm trong kỳ	205.150.909	156.000.000	-	-	-	361.150.909
Thanh lý, nhượng bán	205.150.909	156.000.000	-	-	-	361.150.909
4. Số cuối kỳ	73.620.021.787	30.190.843.257	29.156.986.698	630.283.660	539.640.734	134.137.776.136
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	31.307.287.695	23.725.307.824	15.843.382.985	630.283.660	539.640.734	72.045.902.898
2. Tăng trong kỳ	1.799.997.600	826.179.583	847.001.590	-	-	3.473.178.773
Khấu hao trong kỳ	1.799.997.600	826.179.583	847.001.590	-	-	3.473.178.773
3. Giảm trong kỳ	153.350.259	156.000.000	-	-	-	309.350.259
Thanh lý, nhượng bán	153.350.259	156.000.000	-	-	-	309.350.259
4. Số cuối kỳ	32.953.935.036	24.395.487.407	16.690.384.575	630.283.660	539.640.734	75.209.731.412
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	39.570.822.371	6.621.535.433	10.627.585.529	-	-	56.819.943.333
2. Tại ngày cuối kỳ	40.666.086.751	5.795.355.850	12.466.602.123	-	-	58.928.044.724

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.656.723.273 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**12. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	33.839.745.183	849.221.480	34.688.966.663
2. Tăng trong kỳ	2.460.000.000	-	2.460.000.000
<i>Tăng do mua mới</i>	2.460.000.000	-	2.460.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
1. Số đầu năm	363.696.804	849.221.480	1.212.918.284
2. Tăng trong kỳ	24.097.434	-	24.097.434
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	24.097.434	-	24.097.434
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	387.794.238	849.221.480	1.237.015.718
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	33.476.048.379	-	33.476.048.379
2. Tại ngày cuối kỳ	35.911.950.945	-	35.911.950.945

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 849.221.480 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
			vào TSCĐ trong kỳ		
Mua sắm tài sản cố định	736.000.000	3.949.109.092	4.685.109.092	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.938.171.935	3.407.971.722	-	1.530.200.213
<b>Cộng</b>	<b>736.000.000</b>	<b>8.887.281.027</b>	<b>8.093.080.814</b>	<b>-</b>	<b>1.530.200.213</b>

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau  
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

#### 14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc	Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm	
		Dự phòng	Dự phòng			Dự phòng	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(2.192.861.000)</b>	<b>6.306.716.200</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(2.192.861.000)</b>	<b>6.306.716.200</b>	
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000	
Công ty Cổ phần TM KT & Đầu Tư Petec	4.186.371.000	(2.192.861.000)	1.993.510.000	4.186.371.000	(2.192.861.000)	1.993.510.000	
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vật Tư Xăng Dầu Petec	312.000.000	-	312.000.000	312.000.000	-	312.000.000	
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	426.000.000	-	426.000.000	426.000.000	-	426.000.000	
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2	553.706.200	-	553.706.200	553.706.200	-	553.706.200	
<b>Cộng</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(2.192.861.000)</b>	<b>6.306.716.200</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(2.192.861.000)</b>	<b>6.306.716.200</b>	

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(2.192.861.000)	(2.192.861.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(2.192.861.000)</b>	<b>(2.192.861.000)</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	133.286.554.487	127.425.901.818
- Công ty TNHH TM & DV Long Hưng	41.089.722.010	21.901.974.810
- Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (VN) tại CT - (KG)	12.858.155.372	15.977.929.468
- Các khách hàng khác	79.338.677.105	89.545.997.540
<b>Cộng</b>	<b>133.286.554.487</b>	<b>127.425.901.818</b>

Số nợ quá hạn chưa thanh toán : 0 đồng.

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</i>	2.566.637.135	1.281.117.263
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu	910.000.000	543.532.000
- Trần Văn Trung ( Trần Thị Kia)	675.000.000	-
- Các khách hàng khác	981.637.135	737.585.263
<b>Cộng</b>	<b>2.566.637.135</b>	<b>1.281.117.263</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	270.831.653	6.128.983.635	(5.692.257.566)	-	707.557.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.951.591.756	3.445.940.606	(5.048.493.921)	-	1.349.038.441
Thuế thu nhập cá nhân	182.074.309	12.712.422	75.295.394	(501.049.363)	631.146.648	36.030.792
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	802.925.555	(802.925.555)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	14.000.000	(14.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>182.074.309</b>	<b>3.235.135.831</b>	<b>10.467.145.190</b>	<b>(12.058.726.405)</b>	<b>631.146.648</b>	<b>2.092.626.955</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%,10%.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

#### Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</i>	7.455.684.087	6.691.528.911
- Trung tâm Phát triển Quỹ Nhà và Đất tỉnh Bạc Liêu	2.424.019.408	2.424.019.408
- Tài sản thừa chờ xử lý	16.281.044	16.281.044
- Các khách hàng khác	5.015.383.635	4.251.228.459
<b>Cộng</b>	<b>7.455.684.087</b>	<b>6.691.528.911</b>

#### 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	266.615.401.645	266.615.401.645	296.563.550.128	296.563.550.128
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương <sup>(i)</sup>	154.571.743.236	154.571.743.236	189.916.143.827	189.916.143.827
Ngân hàng TNHH MTV HSBC <sup>(ii)</sup>	87.652.034.825	87.652.034.825	19.314.180.000	19.314.180.000
Ngân hàng TMCP Công Thương <sup>(iii)</sup>	24.391.623.584	24.391.623.584	58.103.975.765	58.103.975.765
Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN	-	-	10.172.133.426	10.172.133.426
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	19.057.117.110	19.057.117.110
<b>Cộng</b>	<b>266.615.401.645</b>	<b>266.615.401.645</b>	<b>296.563.550.128</b>	<b>296.563.550.128</b>

<sup>(i)</sup>Khoản vay theo hợp đồng số 108/2016/NHNT ngày 05/05/2016 kèm theo Hợp đồng số 109/2016/NHNT ngày 05/05/2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay 06 tháng. Vay bằng tín chấp.

<sup>(ii)</sup>Khoản vay theo hợp đồng số VNM 152580 ngày 10/12/2015 của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam để đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho nhu cầu dịch vụ thương mại (bao gồm phát hành bảo lãnh), với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:

- Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (2.000.000.000 đồng).
  - Thẻ chấp hàng hóa trong kho theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng và hợp đồng bảo hiểm cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng từ công ty bảo hiểm Ngân hàng chấp nhận.
  - Thẻ chấp khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MR trị giá 60.000.000.000 đồng.
- <sup>(iii)</sup> Khoản vay theo hợp đồng số 206/2015/860043/HĐTĐ ngày 26/11/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Vay bằng tín chấp.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích lập từ lợi			
	Số đầu năm	nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.068.223.508	1.158.052.017	(1.242.535.000)	1.983.740.525
Quỹ phúc lợi	588.981.146	1.158.052.017	(716.073.821)	1.030.959.342
Quỹ thưởng Ban quản lý, Điều hành	19.046.591	-	-	19.046.591
<b>Cộng</b>	<b>2.676.251.245</b>	<b>2.316.104.034</b>	<b>(1.958.608.821)</b>	<b>3.033.746.458</b>

**21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.063.764.049	1.581.462.500
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	2.063.764.049	1.581.462.500
<b>Cộng</b>	<b>2.063.764.049</b>	<b>1.581.462.500</b>

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau  
 Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ  
 Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**22. Vốn chủ sở hữu**

**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	18.484.733.386	9.631.364.244	6.218.968.032	157.124.185.662
Tăng trong năm trước	-	-	231.630.113	30.176.694.523	1.263.436.980	31.671.761.616
Giảm trong năm trước	-	-	-	(19.058.986.946)	(796.081.773)	(19.855.068.719)
Số dư cuối năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	18.716.363.499	20.749.071.821	6.686.323.239	168.940.878.559
Số dư đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	18.716.363.499	20.749.071.821	6.686.323.239	168.940.878.559
Tăng trong kỳ	-	-	2.393.314.072	12.851.853.819	855.136.800	16.100.304.691
Giảm trong kỳ	-	-	-	(5.655.613.105)	(681.705.000)	(6.337.318.105)
Số dư cuối kỳ	121.039.120.000	1.750.000.000	21.109.677.571	27.945.312.535	6.859.755.039	178.703.865.145

**22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	36,63%	44.334.250.000	44.324.350.000
- Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam	24,26%	29.360.240.000	29.360.240.000
- Cổ đông khác	39,11%	47.344.630.000	47.344.630.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>121.039.120.000</b>	<b>121.039.120.000</b>

**22c. Cổ phiếu**

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**22d. Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm	20.749.071.821
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.851.853.819
Phân phối trong kỳ:	(5.655.613.105)
+ <i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>(1.158.052.017)</i>
+ <i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>(1.158.052.017)</i>
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>(2.393.314.071)</i>
+ <i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	<i>(63.195.000)</i>
+ <i>Thưởng BKS, BĐH</i>	<i>(883.000.000)</i>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>27.945.312.535</b>



23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		709.311.732		709.311.732
Ngoại tệ các loại (USD)	542,83	8.689.159	542,83	8.687.342

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.958.658.339.219	1.861.531.821.423
Doanh thu khác	24.267.805.499	133.518.290.053
<b>Cộng</b>	<b>1.982.926.144.718</b>	<b>1.995.050.111.476</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Hàng bán bị trả lại	413.003.696	245.991.742
<b>Cộng</b>	<b>413.003.696</b>	<b>245.991.742</b>

3. Giá vốn bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán hàng hóa	1.907.794.249.092	1.801.261.159.007
Giá vốn khác	17.931.901.506	119.456.899.335
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(631.099.346)
<b>Cộng</b>	<b>1.925.726.150.598</b>	<b>1.920.086.958.996</b>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	204.024.892	118.316.730
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	540.000	405.000
- Lãi bán hàng trả chậm	498.452.000	629.059.487
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	15.926.985
<b>Cộng</b>	<b>703.016.892</b>	<b>763.708.202</b>

**5. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	6.348.455.429	5.243.601.421
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(113.940.000)
- Chi phí tài chính khác	864.632.868	739.707.293
<b>Cộng</b>	<b>7.213.088.297</b>	<b>5.869.368.714</b>

**6. Chi phí bán hàng**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	38.232.308.247	33.871.203.367
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	2.163.982.118	3.066.970.136
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.769.490.983	2.546.843.291
- Chi phí mua ngoài	7.289.796.945	8.954.277.929
- Chi phí khác bằng tiền	3.418.937.054	1.616.218.412
<b>Cộng</b>	<b>53.874.515.347</b>	<b>50.055.513.135</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	8.611.320.445	8.862.790.504
- Chi phí vật liệu quản lý	104.155.207	205.553.747
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.652.263	13.821.699
- Thuế, phí, lệ phí	896.795.742	740.136.804
- Chi phí dự phòng	223.463.284	331.674.494
- Chi phí mua ngoài	1.372.142.422	912.636.795
- Chi phí khác bằng tiền	1.985.984.818	2.264.061.403
<b>Cộng</b>	<b>13.213.514.181</b>	<b>13.330.675.446</b>

**8. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu từ các khoản thưởng, khuyến mại	28.179.841.020	16.154.226.415
- Thu từ thanh lý tài sản	172.727.273	-
- Thu từ các khoản nợ đã xóa	-	1.008.879
- Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	490.800	2.353.000
- Thu nhập khác	5.677.766.522	1.388.842.716
<b>Cộng</b>	<b>34.030.825.615</b>	<b>17.546.431.010</b>

**9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.152.931.225</b>	<b>23.054.032.595</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	76.771.803	778.198.866
Các khoản điều chỉnh giảm	(540.000)	(405.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(540.000)	(405.000)
Thu nhập tính thuế	17.229.703.028	23.832.231.461
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.445.940.606</b>	<b>4.254.501.267</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.047.555.316	12.457.752.612
Chi phí nhân công	51.909.511.299	47.555.447.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.497.276.207	3.236.161.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.825.932.565	11.054.649.199
Chi phí khác bằng tiền	5.648.195.362	5.829.398.071
<b>Cộng</b>	<b>84.928.470.749</b>	<b>80.133.408.985</b>

**11. Lãi trên cổ phiếu**

**11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.851.853.819	17.137.086.238
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(864.592.691)	(2.028.993.794)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.987.261.128	15.108.092.444
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.103.912	12.103.912
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>990</b>	<b>1.248</b>

(<sup>\*)</sup> Công ty tạm phân phối theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015, căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐ-2016 ngày 21 tháng 05 năm 2016. Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

**11b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Không phát sinh các yếu tố tác động suy giảm.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT:VNĐ)**

**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Không phát sinh

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**  
Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của Tập đoàn mở tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (tương đương 2.000.000.000 đồng).

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC**

**1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty đang kiện ông Lê Thanh Cần vì đã làm thất thoát hàng hóa và hy vọng sẽ được thanh toán một số tiền khoản 800.000.000 VNĐ (khoản này đã được lập dự phòng).

**2. Tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chủ chốt(<sup>\*)</sup>)**

Chi tiết gồm:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.164.829.945	2.179.785.645
<b>Cộng</b>	<b>3.164.829.945</b>	<b>2.179.785.645</b>

(<sup>\*)</sup> Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

**3. Mối quan hệ với các bên liên quan**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
3.1	Công ty TNHH MTV Bách Việt	Công ty con	100,00%
3.2	Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Công ty con	55,00%

**4. Tài sản đảm bảo**

- Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của Tập đoàn mở tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (tương đương 2.000.000.000 đồng).

- Thẻ chấp hàng hóa trong kho theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng và hợp đồng bảo hiểm cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng từ công ty bảo hiểm được Ngân hàng chấp nhận.

- Thẻ chấp khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MR trị giá 60.000.000.000 đồng.

**5. Nợ tiềm tàng**

Ngày 31 tháng 07 năm 2014, SCIC ban hàng công văn số 1740/ĐTKDV-TCKT yêu cầu Tập đoàn phải nộp số tiền lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền 2.859.469.313 đồng. Sau đó, SCIC đã có Công văn số 109/ĐTKDV-TCKT ngày 20 tháng 01 năm 2015 xác định lại số tiền chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tăng lên 4.175.239.987 đồng.

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn đang tiếp tục làm việc với SCIC và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về khoản lãi chậm nộp trên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện này.

**6. Khả năng hoạt động liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

**7. Báo cáo theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu cung cấp dịch vụ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 15 tháng 08 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phòng Giám đốc



NGUYỄN TẤN VẠN

NGUYỄN TẤN VẠN

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH